TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tuyển
2. Ông Đỗ Trung Tín

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 799/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố S, phường A, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn C, sinh năm 1992; địa chỉ khu phố S, phường A, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố H. Chị và anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Chị và anh C sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Về con chung: Chị và anh C có với nhau 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 27/5/2020, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 24/9/2023; Hiện nay, con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2026, bị đơn – anh Nguyễn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố H. Chị và anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị N có với nhau 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 27/5/2020, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 24/9/2023. Hiện nay con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ tự cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định.

- Về nội dung: *Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:*

- ***Về hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N với anh Nguyễn C.

- ***Về con chung***: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 27/5/2020, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 24/9/2023 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về tài sản chung, nợ chung***: Chị N và anh C đều trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

Án phí được tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh C.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thì thấy rằng: Chị N và anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau; chị N và anh C sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh C không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014.

[2.3] Về con chung: Chị N và anh C có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc K- sinh ngày 27/5/2020, Nguyễn Hoàng N - sinh ngày 24/9/2023. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C cũng đồng ý theo yêu cầu của chị N nên xét thấy cần giao 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 27/5/2020, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 24/9/2023 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung: Chị N và anh C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị N và anh C xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án:

Chị Trần Thị Yến N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015602 ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị N đã nộp xong. Anh C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Trần Thị N với anh Nguyễn C.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N với anh Nguyễn C.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 27/5/2020, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 24/9/2023. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị N và anh C không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh C xác định không có nên không đặt ra giải quyết

2. Về án phí: Chị Trần Thị Yến N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0015602 ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị N đã nộp xong.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh
- Các đương sự
- UBND xã N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Mai